

PHẦN 1: NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức đã học đến hết tuần 7
2. Một số câu hỏi trọng tâm:

A. Số học

Câu 1. Kí hiệu và cách viết tập hợp?

Câu 2. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia, phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên trong tập hợp số tự nhiên N ? Tính chất của phép cộng, phép nhân?

Câu 3. Nêu thứ tự thực hiện phép tính?

Câu 4. Tính chất chia hết của một tổng, một hiệu và một tích?

Câu 5. Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9?

B. Hình học

Câu 1. Nêu đặc điểm nhận biết tam giác đều, lục giác đều?

Câu 2. Đặc điểm nhận biết hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành?

PHẦN 2: MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

Dạng 1: Viết các tập hợp

Bài 1: Viết các tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử

- a) $A = \{x \in N | 8 < x < 14\}$ b) $B = \{x \in N | x \leq 7\}$
c) $C = \{x \in N | 21 \leq x \leq 30\}$ d) $D = \{x \in N^* | x \leq 6\}$

Bài 2: Viết các tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử

- a) $A = \{x \in N | 30 < x < 50; x : 5\}$ b) $B = \{x \in N | 20 \leq x < 40; x : 3\}$ c) c)
c) $C = \{x \in N | 30 \leq x \leq 40; x : 4\}$

Dạng 2: Thực hiện phép tính

Bài 1. Tính nhanh:

- a) $237 + 763 + 132 + 868$ b) $146 + 121 + 854 + 379 + 25$
c) $5.125.2.47.8$ d) $4.18.25.50$
e) $38.53 + 38.47$ f) $58.75 + 58.50 - 58.25$
g) $27.39 + 27.63 - 2.27$ h) $48.19 + 48.115 + 134.52$
i) $35.23 + 35.41 + 64.65$ k) $35.24 + 35.48 + 65.55 + 65.17$
l) $16.38 + 16.82 + 84.79 + 84.41$ m) $3.38.8 + 4.37.6 + 2.25.12$

Bài 2. Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

- a) $3.5^2 - 16 : 2^2$ b) $2^3 \cdot 17 - 2^3 \cdot 14$ c) $4.5^2 - 18 : 3^2$
d) $2^3 \cdot 5 + 15.2^2 - 70 : 14$ e) $7^9 : 7^7 - 3^2 \cdot 5 + 5^2 \cdot 2^2$ f) $6^2 : 9 + 50.2 - 3^2 : 3$
g) $100 : 5^2 + 7.3^2 - 1^{2021}$ h) $1200 : 2 + 6^2 \cdot 2 + 18^0$ i) $2^2 \cdot 3^2 - 5.2.3$
k) $5^2 \cdot 2 + 20 : 2^2$ m) $7^2 \cdot 15 - 5.7^2$ n) $3.5^2 + 15.2^2 - 1^2 \cdot 48^0$

Bài 3. Thực hiện phép tính:

- a) $200 : [117 - (23 - 6)]$ e) $2021 - [45 - (6 - 1)^2] + 2022^0$
b) $(5^{19} : 5^{17} + 3) : 7$ f) $476 - \{5 \cdot [409 - (8.3 - 21)^2] - 1724\}$
c) $(3^2 + 2^3 \cdot 5) : 7 + (1^{10} + 2^3)$ d) $10^2 - [60 : (5^6 : 5^4 - 3.5)]$

$$g) 128 - [68 + 8 \cdot (37 - 35)^2] : 4$$

$$h) 500 \left\{ 5 \cdot [409 - (2^3 \cdot 3 - 21)^2] + 10^3 \right\} : 15$$

Dạng 3: Tìm x

Bài 4. Tìm x biết :

$$a) x - 23 = 67$$

$$b) 57 + 7x = 120$$

$$c) 38 - 2x = 14$$

$$d) 3x - 18 = 36$$

$$e) x - 152 : 2 = 16$$

$$f) 140 : (x - 8) = 7$$

$$g) (2 + x) : 5 = 6$$

$$h) 2(x - 51) = 24$$

$$i) 200 - (2x + 6) = 64$$

$$k) 135 - 5 \cdot (x + 4) = 35$$

Bài 5. Tìm số tự nhiên x, biết

$$a) x^2 = 64$$

$$b) (x - 2)^2 = 16$$

$$c) (2x - 3)^2 = 9$$

$$d) 2x^2 = 50$$

$$e) x^3 = 125$$

$$f) (2x - 1)^3 = 27$$

$$g) 2x + 5 = 3^4 : 3^2$$

$$h) (3x - 2^4) \cdot 7^3 = 2 \cdot 7^4$$

$$i) 2^{x-1} = 32$$

$$k) 10^{x+1} = 1000$$

$$l) 3^4 \cdot 3^{x-2} = 3^{10}$$

Bài 6: Tìm số tự nhiên x, biết.

$$a) 48 - 3(x + 5) = 24$$

$$b) 2^{x+1} - 2^x = 32$$

$$c) (15 + x) : 3 = 3^{15} : 3^{12}$$

$$d) 4x + 18 : 2 = 13$$

$$e) x - 48 : 16 = 37$$

$$f) 250 - 10(24 - 3x) : 15 = 244$$

$$g) 2x - 2^0 = 3^5 : 3^3$$

$$h) 5^{25} \cdot 5^{x-1} = 5^{25}$$

Bài 7. Tìm số tự nhiên x, biết.

$$a) x \in B(12) \text{ và } 20 < x \leq 30$$

$$b) x \in U'(20) \text{ và } x > 8$$

$$c) 15 : x$$

$$d) x : 12 \text{ và } x \leq 60$$

Dạng 4: Toán có lời văn

Bài 8. Lan có 80000 đồng để mua vở và bút bi. Lan mua 8 quyển vở và 5 bút bi. Số tiền Lan còn thừa là 9000 đồng. Hỏi giá tiền mỗi quyển vở là bao nhiêu biết rằng giá tiền mỗi chiếc bút bi là 3000 đồng.

Bài 9. Bác Nam có một trang trại nuôi lợn và vịt. Tuần vừa qua bác bán được 70 kg thịt lợn, 11 con vịt và 40 quả trứng vịt. Giá tiền 1 kg thịt lợn là 120000 đồng, một con vịt là 180000 đồng và mỗi quả trứng là 3000 đồng. Hỏi bác Nam thu được bao nhiêu tiền mỗi loại và tổng số tiền bác thu được là bao nhiêu?

Dạng 5: Một số bài toán hình tổng hợp

Bài 10 Bác Hoa trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài bằng 36 mét và chiều rộng bằng 15 m.

a) Tính chu vi và diện tích thửa ruộng đó.

b) Biết cứ 1 mét vuông người ta thu hoạch được 1 kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài 11. Bác Hưng trồng cà rốt trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 20 m, chiều rộng 15 m.

a) Tính chu vi, diện tích thửa ruộng.

b) Biết rằng trung bình 1 vụ mỗi mét vuông ruộng bác Hưng thu hoạch được 2 kg cà rốt. Vậy tổng khối lượng cà rốt bác Hưng thu được trong 1 vụ là bao nhiêu?

Bài 12. Bạn An có một sợi dây ruy băng dài 42 cm. Nếu bạn An gấp thành một hình lục giác đều thì độ dài mỗi cạnh của hình lục giác đều mà An tạo ra có độ dài bao nhiêu centimet?

Dạng 6: Một số bài tập nâng cao

Bài 13. So sánh:

a) $A = 2^0 + 2^1 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{2010}$ và $B = 2^{2010} - 1$

b) $A = 2022.2024$ và $B = 2023^2$

Bài 14. Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{60}$. Chứng tỏ rằng: $A:3, A:5$

Bài 15. Cho 1 số có 4 chữ số: $\overline{*26*}$. Điền các chữ số thích hợp vào dấu (*) để được số có 4 chữ số khác nhau chia hết cho tất cả 4 số 2; 3; 5; 9

Bài 16. Tìm tất cả các số tự nhiên n sao cho:

a) $6 : (n + 1)$ b) $(n + 6) : (n + 1)$ c) $(4n + 9) : (2n + 2)$

PHẦN III. ĐỀ MINH HỌA

A. Trắc nghiệm : Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 4 < x \leq 9\}$. Tập hợp A được viết dưới dạng liệt kê là

A. $A = \{4; 5; 6; 7; 8; 9\}$. B. $A = \{4; 5; 6; 7; 8\}$. C. $A = \{5; 6; 7; 8\}$. D. $A = \{5; 6; 7; 8; 9\}$

Câu 2. Số nào sau đây chia hết cho 2 và 3 và 5?

A. 325 B. 420 C. 520 D. 625

Câu 3. Tập hợp các chữ cái có trong từ “LĨNH NAM” là:

A. $\{L; I; N; H; N; A; M\}$ B. $\{L; I; N; H; M\}$
C. $\{L; I; A; M\}$ D. $\{L; I; N; H; A; M\}$

Câu 4. Chữ số 2 trong số 2010 có giá trị là:

A. 2000 B. 200 C. 20 D. 2

Câu 5. Số nào sau đây không chia hết cho 5:

A. 2020 B. 2021 C. 1325 D. 2030

Câu 6. Kết quả phép tính nào sau đây đúng?

A. $2^2 \cdot 2^3 = 2^5$. B. $2^2 \cdot 2^3 = 2^6$. C. $2^2 \cdot 2^3 = 4^5$. D. $2^2 \cdot 2^3 = 4^6$.

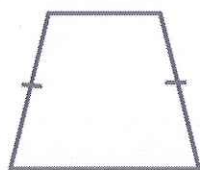
Câu 7. Số La Mã XIV có giá trị tương ứng trong hệ thập phân là:

A. 14. B. 16. C. 19. D. 11.

Câu 8. Để $6 + 8 + m : 9$ thì m bằng :

A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

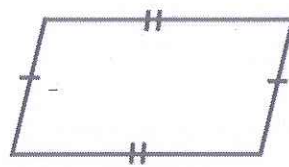
Câu 9. Cho các hình sau, hình nào là hình thoi?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 10. Cho tam giác đều ABC, biết $AB = 4 \text{ cm}$. Khi đó BC có độ dài là

A. 8 cm B. 5 cm C. 4 cm D. 2 cm

Câu 11. Cho hình bình hành ABCD, biết $AB = 6 \text{ cm}$, $AC = 8 \text{ cm}$. Khi đó CD có độ dài là

A. 8 cm B. 6 cm C. 7 cm D. 2 cm

Câu 12. Trong hình tam giác đều, mỗi góc có số đo bằng

A. 45° B. 60° C. 30° D. 90°

B. Tự luận

Bài 1 Thực hiện phép tính:

a) $145 + 163 + 55$

b) $15.27 + 72.15 + 15$

c) $180 - 80. [65 - (17 - 9)^2]$

Bài 2 Tìm x :

a) $136 - x = 120$

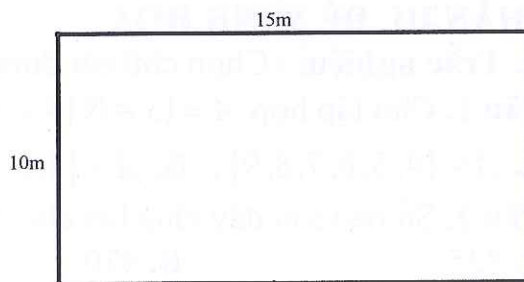
b) $95 - 5(x + 2) = 45$

c) $2.(x + 1)^3 = 16$

d) $x : 12$ và $x \leq 36$

Bài 3 Đội văn nghệ lớp 6A có từ 21 đến 29 người, khi hát song ca số người của đội văn nghệ xếp vừa hết. Hỏi đội văn nghệ có bao nhiêu người, biết rằng khi hát tốp ca nếu xếp theo nhóm 9 người thì thừa ra 1 người.

Bài 4 Người ta làm hàng rào bao quanh một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài là $15m$ và chiều rộng là $10m$.



a) Hỏi hàng rào dài bao nhiêu mét ?

b) Nếu cứ $3m^2$ trồng 1 cây chanh thì cần bao nhiêu cây chanh để trồng hết diện tích khu vườn.

Bài 5

Cho $B = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{99} + 2^{100}$. Hỏi B có chia hết cho 7 không? Vì sao?

----Hết----

BGH duyệt

TTCM

NTCM

A red circular stamp with the text 'TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGỌC LAM' and a blue ink signature over it.

Ngô Thị Bích Liên

A blue ink signature.

Phạm Thị Hải Yến

A blue ink signature.

Phạm Thị Thu Trang

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 06:
 - Bài 1: Thông tin và dữ liệu.
 - Bài 2: Xử lý thông tin.
 - Bài 3: Thông tin trong máy tính
 - Bài 4: Mạng máy tính
2. Một số câu hỏi trọng tâm:
 - Câu 1: Thông tin là gì? Vật mang tin là gì?
 - Câu 2: Xử lý thông tin bao gồm những hoạt động cơ bản nào?
 - Câu 3: Máy tính bao gồm các thành phần nào thực hiện các hoạt động xử lý thông tin?
 - Câu 4: Dây bit là gì? Máy tính sử dụng dây bit để làm gì?
 - Câu 5: Mạng máy tính là gì? Nêu lợi ích của mạng máy tính?
 - Câu 6: Nêu các thành phần chính của mạng máy tính?

II. Phần 2: Một số dạng câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Trắc nghiệm khách quan: Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1. Thông tin là gì?

- A. Là những con số, chữ cái, hình ảnh rời rạc.
- B. Là những gì con người tiếp nhận được giúp hiểu biết thêm về thế giới xung quanh.
- C. Là những gì máy tính lưu trữ.
- D. Là những ký hiệu ngẫu nhiên.

Câu 2. Dữ liệu là gì?

- A. Là thông tin đã được xử lý.
- B. Là thông tin hữu ích.
- C. Là các con số, chữ, hình ảnh, âm thanh... được dùng để biểu diễn thông tin.
- D. Là nội dung được con người hiểu và sử dụng.

Câu 3. Trong các ví dụ sau, đâu là dữ liệu?

- A. Bức thư đã đọc xong.
- B. Các con số trong bảng điểm.
- C. Câu nói "Hôm nay trời đẹp quá!".
- D. Lời nhận xét của cô giáo.

Câu 4. Quá trình biến dữ liệu thành thông tin được gọi là gì?

- A. Lưu trữ.
- B. Xử lý dữ liệu.
- C. Ghi nhớ.
- D. Truyền thông tin.

Câu 5. Đơn vị đo lường thông tin nhỏ nhất là gì?

- A. Byte.
- B. Bit.
- C. Kilobyte.
- D. Megabyte.

Câu 6. Quá trình xử lý thông tin gồm các bước:

- A. Nhập – Xem – Lưu.
- B. Lưu – Gửi – In.
- C. Thu thập – Xử lý – Lưu trữ – Trao đổi.
- D. Soạn thảo – Gửi – Nhận.

Câu 7. Ví dụ nào thể hiện việc xử lý thông tin?

- A. Ghi lại kết quả đo nhiệt độ.
- B. Tính điểm trung bình học sinh.
- C. Gửi thư điện tử.
- D. Tìm kiếm hình ảnh trên mạng.

Câu 8. Thiết bị nào dùng để nhập dữ liệu vào máy tính?

- A. Màn hình.
- B. Bàn phím.
- C. Máy in.
- D. Loa.

Câu 9. Thiết bị nào dùng để xuất thông tin từ máy tính?

- A. Chuột.
- B. Ổ cứng.
- C. Màn hình.
- D. Bàn phím.

Câu 10. Ví dụ nào thể hiện quá trình lưu trữ thông tin?

- A. Học sinh đọc sách.
- B. Lưu bài làm vào USB.
- C. Gửi email cho bạn.
- D. Tìm kiếm bài hát trên mạng.

Câu 11. Đơn vị cơ bản để lưu trữ dữ liệu trong máy tính là gì?

- A. Bit.
- B. Byte.
- C. Kilobyte.
- D. Megabyte.

Câu 12. 1 Byte bằng bao nhiêu bit?

- A. 4 B. 6 C. 8 D. 10

Câu 13. 1 Kilobyte (KB) bằng bao nhiêu Byte?

- A. 1000 B. 1024 C. 512 D. 2048

Câu 14. Trong máy tính, hình ảnh được lưu trữ dưới dạng:

- A. Văn bản. B. Âm thanh.
C. Các điểm ảnh (pixel). D. Dãy số nguyên.

Câu 15. Thiết bị nào là bộ nhớ ngoài?

- A. RAM B. ROM C. Ổ đĩa USB D. Bộ xử lý trung tâm

Câu 16. Mạng máy tính là gì?

- A. Nhiều máy tính được đặt cạnh nhau.
B. Nhiều máy tính được kết nối để chia sẻ dữ liệu và thiết bị.
C. Một máy tính có nhiều ổ đĩa.
D. Máy tính có kết nối Internet.

Câu 17. Lợi ích chính của mạng máy tính là gì?

- A. Giúp máy tính chạy nhanh hơn.
B. Tăng dung lượng lưu trữ.
C. Chia sẻ dữ liệu và thiết bị.
D. Giảm chi phí điện năng.

Câu 18. Internet là gì?

- A. Một máy tính rất lớn.
B. Mạng máy tính toàn cầu.
C. Một phần mềm trò chuyện.
D. Một loại cáp mạng.

Câu 19. Ví dụ nào thể hiện việc sử dụng mạng máy tính?

- A. Soạn văn bản trên Word.
B. Gửi email cho bạn ở nước ngoài.
C. Lưu bài vào USB.
D. In bài ra giấy.

Câu 20. Trong mạng LAN của trường học, các máy tính được kết nối:

- A. Qua Internet.
B. Trong phạm vi nhỏ như phòng học, toà nhà.
C. Giữa các quốc gia.
D. Qua sóng vệ tinh.



Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Trần Minh Ngọc

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1: Nhà em thuộc kiểu kiến trúc nhà ở nào? Mô tả các khu vực chức năng trong ngôi nhà của gia đình em?

Câu 2: Em hãy mô tả các bước chính trong xây dựng nhà ở?

Câu 3: Để sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình cần lưu ý gì?

Câu 4: Kể tên các vật liệu được sử dụng trong xây dựng nhà ở (từ 4 trở lên)?

Câu 5: Nêu vai trò và đặc điểm chung của nhà ở?

Câu 6: Thế nào là ngôi nhà thông minh và nó thường bao gồm các hệ thống nào?

Phần 2: Một số dạng câu hỏi trắc nghiệm minh họa

A. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20, mỗi câu hỏi HS chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Ứng dụng chính của gạch, ngói trong xây dựng nhà ở là:

- A. Kết hợp với đá tạo ra bê tông B. Làm nội thất.
C. Làm tường nhà, mái nhà. D. Kết hợp với xi măng tạo ra vữa xây dựng.

Câu 2. Nguồn cung cấp của Vitamin C chủ yếu từ:

- A. Rau quả tươi . B. Thịt lợn, thịt gà, thịt vịt...
C. Lòng đỏ trứng, tôm cua D. Các loại hải sản.

Câu 3. “Ở nhà là yêu nước”, mỗi nhà là một “pháo đài”, ... nhà ở đã thể hiện vai trò gì trong phòng chống đại dịch covid-19?

- A. Thực hiện đúng 5K.
B. Tiêu diệt virus corona.
C. Là địa điểm chính để cách ly và chữa bệnh.
D. Bảo vệ con người tránh khỏi virus corona, hạn chế lây lan dịch bệnh.

Câu 4. Ứng dụng chính của thép trong xây dựng nhà ở là:

- A. Tạo vữa xây dựng. B. Làm khung nhà, cột nhà.
C. Làm sàn nhà. D. Làm mái che.

Câu 5. Để tốt cho hệ tiêu hóa ta nên ăn nhiều thực phẩm có chứa chất:

- A. Chất khoáng. B. Đường bột. C. Chất xơ. D. Béo.

Câu 6. Còi bẩm sinh khi phát hiện nồng độ khôí trong nhà vượt ngưỡng an toàn thuộc đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh?

- A. Đáp án khác. B. Tiết kiệm năng lượng.
C. Tính tiện nghi. D. Tính an toàn cao.

Câu 7. Giúp cho xương và răng chắc khỏe là vai trò chủ yếu của loại muối khoáng nào?

- A. Sắt B. Iodine C. Kẽm D. Calcium

Câu 8. Thực phẩm nào là nguồn năng lượng chính cung cấp chất đường bột cho cơ thể?

- A. Rau bắp cải B. Thịt bò C. Mỡ lợn D. Gạo

Câu 9. Người ta trộn xi măng, cát, nước theo tỉ lệ thích hợp để tạo ra:

- A. Ngói. B. Bê tông. C. Gạch D. Vữa xây dựng.

Câu 10. Các thiết bị lắp đặt giúp cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn như:

- A. Quên đóng cửa, có nguy cơ cháy nổ xảy ra, có người lạ đột nhập xảy ra.
B. Quên đóng cửa, có nguy cơ cháy nổ xảy ra.
C. Có nguy cơ cháy nổ xảy ra, có người lạ đột nhập xảy ra.
D. Có người lạ đột nhập, quên đóng cửa.

Câu 11. Các loại thực phẩm như: Thịt lợn, gan, thịt bò cung cấp chủ yếu vitamin gì?

- A. Vitamin E B. Vitamin B C. Vitamin A D. Vitamin C

Câu 12. Nhà nổi thường có ở khu vực nào?

- A. Đồng bằng Bắc Bộ. B. Tây Bắc, Tây Nguyên.
C. Trung du Bắc Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 13. Nhà thông minh được phân chia thành các khu vực chức năng như:

- A. Khu sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn.
B. Khu sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh
C. Khu sinh hoạt chung, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh
D. Khu sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

Câu 14. Chất đường bột có nhiều trong:

- A. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ. B. Hạt điều, lạc, vừng.
C. Bánh mì, khoai, sữa, trái cây chín D. Trái cây, rau củ quả tươi.

Câu 15. Các bước chính xây dựng nhà ở cần tuân theo quy trình sau:

- A. Thiết kế, hoàn thiện, thi công thô.
- B. Thiết kế, thi công thô, hoàn thiện.
- C. Thi công thô, thiết kế, hoàn thiện.
- D. Hoàn thiện, thiết kế, thi công thô.

Câu 16. Người thiết kế, tổ chức thi công, kiểm sát, giám sát quá trình thi công của các công trình xây dựng để đảm bảo đúng thiết kế được gọi là:

- A. Lao công.
- B. Kỹ sư xây dựng.
- C. Kiến trúc sư.
- D. Thợ hồ.

Câu 17. Nhà ở chung cư có kiểu kiến trúc như thế nào?

- A. Nhà được xây dựng để phục vụ nhiều hộ gia đình
- B. Có hệ thống phao dưới sàn giúp nhà có thể nổi lên
- C. Các khu vực chức năng trong nhà thường được xây dựng tách biệt
- D. Nhà ở thường được thiết kế nhiều tầng

Câu 18. Ngôi nhà thông minh thường lắp đặt các hệ thống điều khiển tự động, bán tự động như:

- A. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ; nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng.
- B. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống giải trí; nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng.
- C. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ; nhóm hệ thống giải trí.
- D. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ; nhóm hệ thống giải trí; nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng.

Câu 19. Nhà ở bao gồm các phần chính là:

- A. Móng nhà, sàn nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ
- B. Móng nhà, sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ.
- C. Sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ
- D. Móng nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ

Câu 20. Để tiết kiệm điện cho ngôi nhà thông minh, cần lắp đặt hệ thống nào?

- A. Hệ thống camera.
- B. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ.
- C. Hệ thống năng lượng mặt trời.
- D. Hệ thống điều khiển tủ lạnh.

B. Câu trắc nghiệm đúng, sai.

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2, trong mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Khi tìm hiểu về nhà ở, ta thấy

- A. nhà ở là nơi để con người sinh sống, nghỉ ngơi và bảo vệ khỏi các yếu tố thời tiết.
- B. mỗi người cần có một vài ngôi nhà để đảm bảo nhu cầu sống của mình.
- C. việc thiết kế và xây dựng nhà ở phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, văn hóa và tập quán của từng khu vực.

D. nhà ở không cần phải có sự phân chia không gian chức năng, vì tất cả các hoạt động trong gia đình có thể thực hiện chung một chỗ.

Câu 2. Ngôi nhà thông minh - Smart Home có thể

A. giúp tiết kiệm năng lượng và tăng cường an ninh cho gia đình.

B. điều khiển thiết bị điện từ xa thông qua điện thoại di động hoặc máy tính.

C. luôn tự động bật đèn khi trời tối, bất kể có người trong phòng hay không, để đảm bảo an toàn cho ngôi nhà.

D. giúp giảm hóa đơn tiền điện ngay cả khi bạn để điều hòa chạy liên tục suốt cả ngày.



BGH kí duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Dương Thị Tươi

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 6

- a. Văn bản: Truyện đồng thoại, thơ 5 chữ, lục bát, truyện
- b. Tiếng Việt: Từ đơn, từ phức; Nghĩa của từ; BPTT: so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ; dấu câu....
- c. Viết: Viết bài văn kể về một trải nghiệm của em

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1. Thế nào là truyện đồng thoại? Nêu đặc điểm của truyện đồng thoại?

Câu 2. Nêu đặc điểm của thể thơ 5 chữ? Thơ lục bát, Thơ tự do?

Câu 3. Nêu khái niệm, tác dụng của đại từ, dấu ngoặc kép và các BPTT: Ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, hoán dụ, nói giảm nói tránh?

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong các câu sau:

- a. Em hãy cho biết tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu ca dao sau:

“Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”

- b. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Hôm nay trời nắng chang chang

Mèo con đi học chẳng mang thứ gì

Chỉ mang một chiếc bút chì

Và mang một mẩu bánh mì con con

(Mèo con đi học – Phan Thị Vàng Anh)

- Bài thơ trên đã nhân hóa con vật nào? Con vật đó đã được nhân hóa bằng cách nào?

- Việc sử dụng biện pháp nhân hóa như vậy có tác dụng gì?

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

1. Dạng 1: Đọc - Hiểu

Bài tập 1:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu:

Vua Hùng đi nhiều nơi để tìm đất đóng đô của nước Văn Lang. Vua đi tới một miền phong cảnh đẹp đẽ, đất phẳng mà rộng, có nhiều khe suối. Vua cho là thế đất chưa đủ, bèn sai chim đại bàng đắp một trăm quả gò, hện trước khi trời sáng phải xong. Chim đại bàng khuôn đá đắp được 99 quả gò, chợt có con gà ngủ gáy sáng, chim đại bàng ngỡ trời sáng, vỗ cánh bay đi. Vua Hùng đi tìm đất khác.

Lại tới nơi khác, vua thấy có một ngọn núi cao sừng sững như cái trụ chống trời vươn lên giữa hàng trăm quả đồi vây quanh. Vua thúc ngựa lên ngọn núi, dừng ngựa đứng trông bốn phương tám hướng, rộng hẹp, thấp cao, rừng trải ra xa, khe ngòi quanh lượn, vua đẹp lòng vừa ý, mới dong ngựa từ từ xuống núi. Chợt con ngựa quay đầu, vó ngựa đập mạnh, núi lở xuống sạt mất một góc. Vua chê thế đất không vững, bèn bỏ đi.

(...) Vua đi mãi nơi này nơi khác mà chưa chọn được nơi nào có thể định đô. Đi tới một vùng, trước mặt có ba con sông tụ hội, hai bên có núi Tản Viên, Tam Đảo châu về có đồi núi gần xa, có ruộng đồng tươi tốt, có dân cư đông vui. Lại giữa vùng đồi có một quả núi cao hẳn lên như đầu một con rồng, còn những dãy núi kia như những khúc rồng uốn lượn. Vua cả mừng thấy núi non kì thú, đất tốt, sông sâu, cây cối xanh tươi. Vua

Hùng chọn nơi đây làm đất đóng đô, có thể hiểm để giữ, có thể dễ mở, có chỗ cho muôn dân hội tụ. Đó chính là kinh đô Văn Lang ngày xưa.

(Trích “*Vua Hùng chọn đất đóng đô*”, theo Viện Văn học, Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam, tập I: Thần thoại - Truyền thuyết, NXB Giáo dục, 1999, tr. 463 – 464).

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ tư

Câu 3. Đoạn trích kể về mấy lần vua Hùng phải lựa chọn để tìm ra vùng đất đóng đô?

- A. Ba B. Bốn C. Hai D. Một

Câu 4. Từ nào dưới đây KHÔNG PHẢI là từ láy?

- A. *sừng sững* B. *từ từ*
C. *tươi tốt* D. *đẹp đẽ*

Câu 5. Nhân vật Vua Hùng được khắc họa chủ yếu thông qua yếu tố nào?

- A. Hành động và lời nói B. Ngoại hình và lời nói
C. Trang phục và hành động D. Hành động và suy nghĩ

Câu 6. Từ nào dưới đây KHÔNG PHẢI là từ ghép?

- A. *Tươi tốt* B. *Cây cối* C. *Đẹp đẽ* D. *Con gà*

Câu 7. Từ “*sừng sững*” trong câu: “*Lại tới nơi khác, vua thấy có một ngọn núi cao sừng sững như cái trụ chống trời vươn lên giữa hàng trăm quả đồi vây quanh.*” có nghĩa là gì?

- A. Cao quá đầu người B. To lớn, chắn ngang tầm nhìn
C. Cao hơn mức bình thường D. To lớn vượt quá sức tưởng tượng

Câu 8. Theo em, việc lặp lại chi tiết vua Hùng đi hết nơi này đến nơi khác để chọn đất đóng đô thể hiện dụng ý gì của tác giả dân gian?

- A. Ca ngợi vua Hùng đã có công chọn đất đóng đô của nước Văn Lang ngày xưa.
B. Chọn đất đóng đô là việc hệ trọng, quyết định vận mệnh và sự phồn thịnh của đất nước.
C. Được đi đây đi đó, khám phá những vùng đất mới là sở thích của vua Hùng.
D. Nhà vua là một người cẩn thận, kĩ tính.

Câu 9. Biện pháp tu từ nào sử dụng trong câu văn: “*Lại giữa vùng đồi có một quả núi cao hần lên như đầu một con rồng, còn những dãy núi kia như những khúc rồng uốn lượn.*”? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 10. Qua hình ảnh vua Hùng một lòng lo cho dân cho nước, em sẽ làm gì để thể hiện trách nhiệm của bản thân với quê hương. (Trình bày khoảng 5 câu)

Bài tập 2:

Đọc bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu:

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con* (Ca dao)

Câu 1. Bài ca dao trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ lục bát B. Thơ song thất lục bát C. Thơ tự do D. Thơ sáu chữ

Câu 2: Điền từ

Cách hiệp vần của thể thơ lục bát thường gieo vầncâu lục và tiếng thứ 6 câu bát ở cặp thứ nhất, tiếng thứ 8 của câu bát vần của câu lục sau, thường là vần bằng.

- A. tiếng thứ hai B. tiếng thứ tư C. tiếng thứ sáu D. Tiếng thứ tám

Câu 3. Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào?

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

- A. Ẩn dụ B. So sánh C. Hoán dụ D. Nhân hóa

Câu 4. Các từ: **Công cha, Thái Sơn** là từ ghép đúng hay sai? A. Đúng B. Sai

Câu 5. Hai câu thơ được dẫn ở câu hỏi số 3 gợi lên điều gì ở người cha?

- A. Vất vả lo toan B. Công lao to lớn
C. Yêu con tha thiết D. Giàu đức hi sinh

Câu 6. Bài ca dao trên nói về chủ đề gì?

- A. Tình cảm gia đình B. Tình yêu quê hương đất nước
C. Tình yêu thiên nhiên D. Tình cảm cha con

Câu 7. Hai câu thơ:

Công cha như núi Thái Sơn/Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Gợi em liên tưởng đến câu nào sau đây?

- A. Cha là bóng mát giữa trời /Cha là điểm tựa bên đời của con.
B. Cha là tất cả cha ơi /Ngàn năm con vẫn trọn đời yêu thương.
C. Ơn cha nặng lắm ai ơi/Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang.
D. Xa cha lòng những quặn đau,/Biết ngày nào mới cùng nhau quây quần.

Câu 8. Hai câu ca dao cuối, người cha mong ước gì ở con?

Một lòng thờ mẹ kính cha/Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

- A. Khỏe mạnh, ngoan ngoãn. B. Thành công trong cuộc sống
C. Sống có ích với xã hội D. Sống hiếu thảo, kính trọng cha mẹ

Trả lời câu hỏi:

Câu 9. Em hiểu bài ca dao muốn nhắn gửi chúng ta điều gì?

Câu 10. Từ thông điệp của bài ca dao trên, em rút ra bài học gì về phận làm con đối với cha mẹ?

Bài tập 3: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

<i>Mẹ là cơn gió mùa thu Cho con mát mẻ lời ru năm nào Mẹ là đêm sáng trăng sao Soi đường chỉ lối con vào bến mơ. Mẹ luôn mong mỏi đợi chờ Cho con thành tựu được nhờ tấm thân Mẹ thường âu yếm ân cần Bảo ban chỉ dạy những lần con sai.</i>	<i>Mẹ là tia nắng ban mai Sưởi con ấm lại đêm dài giá băng Lòng con vui sướng nào bằng Mẹ luôn bên cạnh nhọc nhằn trôi đi. Mẹ ơi con chẳng ước gì Chỉ mong có mẹ chuyện gì cũng qua Vui nào bằng có mẹ cha Tình thâm máu mủ ruột rà yêu thương. (Mẹ là tất cả-Lăng Kim Thanh)</i>
--	--

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Tự do B. Song thất lục bát C. Ngũ ngôn D. Lục bát

Câu 2: Hai dòng thơ sau đây gieo vần ở vị trí nào?

*Mẹ luôn mong mỏi đợi chờ
Cho con thành tựu được nhờ tấm thân.*

- A. Tiếng thứ sáu câu lục gieo vần với tiếng thứ sáu câu bát
- B. Tiếng thứ sáu câu lục gieo vần với tiếng thứ tám câu bát
- C. Tiếng thứ tư câu lục gieo vần với tiếng thứ sáu câu bát
- D. Tiếng thứ tư câu lục gieo vần với tiếng thứ tám câu bát

Câu 3: Các từ: “mùa thu, vui sướng, thành tựu, máu mủ” trong đoạn thơ là:

- A. Từ láy B. Từ ghép C. Từ đơn D. Từ đa nghĩa

Câu 4: Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong hai dòng thơ sau:

Mẹ là cơn gió mùa thu/Cho con mát mẻ lời ru năm nào

- A. Nhấn mạnh tình cảm yêu thương, chăm sóc của mẹ dành cho con
- B. Thể hiện lòng hiếu thảo của người con dành cho người mẹ
- C. Nhấn mạnh tình cảm yêu thương, chăm sóc của con dành cho mẹ
- D. Ca ngợi tình cảm sâu nặng của con dành cho mẹ

Câu 5: Bài thơ trên thuộc chủ đề nào em đã học?

- A. Vẻ đẹp quê hương B. Gia đình yêu thương
- C. Trò chuyện cùng thiên nhiên D. Những trải nghiệm trong đời

Câu 6: Người con trong bài thơ thể hiện tình cảm gì với mẹ?

- A. Luôn nhớ về công ơn của mẹ
- B. Yêu thương mẹ, nhớ về sự hi sinh của mẹ dành cho con
- C. Luôn biết ơn, yêu thương, kính trọng mẹ
- D. Yêu thương, biết ơn người mẹ.

Câu 7: Người mẹ trong bài thơ đã có ước mong gì đối với con sau này?

- A. Thành đạt B. Vui vẻ C. An nhàn D. Trưởng thành

Câu 8: Người con đã thể hiện những ước mong gì với mẹ?

- A. Mẹ vui vẻ, gia đình khỏe mạnh. B. Mẹ có cuộc sống tốt đẹp, gia đình hạnh phúc.
- C. Mẹ bình an, gia đình hòa thuận D. Mẹ luôn yêu thương của con, gia đình hạnh phúc

Câu 9: Từ nội dung của văn bản trên, em có hành động gì để đền đáp công lao của mẹ?

Câu 10: Từ nội dung của văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân mình trong cách ứng xử với mẹ hằng ngày?

2. Dạng 2: Viết

Câu 1. Bằng chính trải nghiệm thực của mình, em hãy viết bài văn kể lại một giấc mơ đẹp.

Câu 2. Quê hương yêu dấu - nơi cho em nhiều trải nghiệm. Hãy kể lại một trải nghiệm về chuyến thăm quê thú vị của em.

Câu 3. Hãy viết một bài văn kể lại một trải nghiệm giúp tâm hồn em thêm phong phú hơn.

BGH DUYỆT

 * **Ngô Thị Bích Liên**

TỔ TRƯỞNG

Lưu Hoàng Trang

NHÓM TRƯỞNG

Hán Thu Huyền

A. Phân môn Lịch Sử

I. Nội dung kiến thức cần ôn tập:

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06.

- Vì sao phải học lịch sử, cách tính thời gian, các nguồn tư liệu lịch sử
- Xã hội nguyên thủy, nguồn gốc loài người

2. Một số câu hỏi trọng tâm.

Câu 1. Vì sao phải học lịch sử?

Câu 2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa.

1. Bài tập trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Tư liệu chữ viết gồm những

- A. văn tự được khắc trên bia đá.
- B. hình vẽ trên vách hang đá của người nguyên thủy.
- C. công trình kiến trúc do người xưa để lại.
- D. bản ghi; sách,... từ quá khứ còn được lưu lại đến ngày nay.

Câu 2. "Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống" đó là câu danh ngôn của ai?

- A. Xanh-xi-mông. B. Xi-xê-rông. C. Hê-rô-đốt. D. Đê-mô-crit.

Câu 3. Khoa học lịch sử là một ngành khoa học nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của

- A. Trái Đất. B. các thiên thể trong vũ trụ.
- C. các loài sinh vật trên Trái Đất. D. loài người và xã hội loài người.

Câu 4. Tìm hiểu về lịch sử loài người và những hoạt động chính của con người trong quá khứ là nhiệm vụ của ngành khoa học nào?

- A. Sử học. B. Khảo cổ học. C. Việt Nam học. D. Cơ sở văn hóa.

Câu 5. Ai là chủ thể sáng tạo ra lịch sử?

- A. Con người. B. Thượng đế. C. Vạn vật. D. Chúa trời.

Câu 6. Để dựng lại lịch sử đúng như nó đã diễn ra người ta phải

- A. tìm kiếm các câu truyện lịch sử.
- B. đối chứng các tài liệu lịch sử.
- C. có nhân chứng chứng kiến sự kiện lịch sử.
- D. sắp xếp tất cả các sự kiện đó lại theo trình tự thời gian.

Câu 7. Lịch sử là những gì

- A. đang diễn ra. B. đã diễn ra trong quá khứ.
- C. chưa diễn ra. D. đã và đang diễn ra.

Câu 8. Trong các nguồn tư liệu dùng để biết và phục dựng lại lịch sử, nguồn tư liệu nào có giá trị tin cậy nhất?

- A. Các câu ca dao, dân ca. B. Tư liệu truyền miệng.
- C. Phim khoa học viễn tưởng. D. Tư liệu gốc.

Câu 9. Sự tích "Hồ Gươm" thuộc loại tư liệu gì?

- A. Tư liệu hiện vật. B. Truyền miệng. C. Tư liệu hiện vật. D. Tư liệu gốc.

Câu 10. Trồng đồng Ngọc Lũ thuộc loại hình tư liệu nào dưới đây?

- A. Tư liệu truyền miệng. B. Tư liệu chữ viết.
- C. Tư liệu ghi âm, ghi hình. D. Tư liệu hiện vật.

Câu 11. Điều **không** phải là điểm khác biệt giữa lịch sử của một con người với lịch sử của xã hội loài người?

- A. Các hoạt động.
- B. Tính cá nhân.
- C. Thời gian hoạt động.
- D. Mối quan hệ với cộng đồng.

Câu 12. Tư liệu hiện vật là

- A. đồ dùng mà thầy cô giáo em sử dụng để dạy học.
- B. những lời mô tả về các hiện vật của người xưa được lưu truyền lại.
- C. bản ghi chép, nhật ký hành trình của các nhà thám hiểm trong quá khứ.
- D. di tích, đồ vật... của người xưa còn được lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.

Câu 13. Tư liệu chữ viết là

- A. những câu chuyện cổ tích do người xưa tưởng tượng ra.
- B. những hoa văn trên thân và mặt trống đồng.
- C. những hình vẽ trên vách hang đá của người nguyên thủy.
- D. những bản ghi; sách được in,... từ quá khứ còn được lưu giữ đến ngày nay.

Câu 14. Ưu điểm nổi bật của tư liệu hiện vật là

- A. mang ý thức chủ quan của tác giả tư liệu.
- B. cho biết toàn cảnh các sự kiện đã xảy ra.
- C. không cho biết thời gian xảy ra sự kiện.
- D. phản ánh khá cụ thể và trung thực về đời sống của người xưa.

Câu 15. Điểm hạn chế của tư liệu chữ viết là gì?

- A. Ghi chép tương đối đầy đủ về đời sống con người.
- B. Thường mang ý thức chủ quan của tác giả tư liệu.
- C. Là những tư liệu “câm”, rất khó nghiên cứu và khai thác.
- D. Không cho biết chính xác về thời gian và địa điểm xảy ra sự kiện lịch sử.

2. Câu hỏi đúng- sai

Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về vai trò của tư liệu hiện vật đối với việc cung cấp cho chúng ta những hiểu biết về cuộc sống của người xưa:

- a) Cung cấp các di tích và đồ vật phản ánh đời sống của con người.
- b) Giúp ta tái hiện lại một phần chân thực về đời sống xã hội thời xưa.
- c) Cung cấp thông tin về các điều kiện tự nhiên thời đó.
- d) Tập trung vào khía cạnh nghệ thuật, ít mang tính khoa học.

B. Phân môn Địa Lí

I. Nội dung kiến thức cần ôn tập:

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06.

- Hệ thống kinh, vĩ tuyến, tọa độ địa lí
- Bản đồ: Tỷ lệ bản đồ, phương hướng trên bản đồ, kí hiệu bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ.

2. Một số câu hỏi trọng tâm.

Câu 1. Trình bày khái niệm kinh tuyến, vĩ tuyến. Kinh tuyến gốc đi qua địa điểm nào?

Câu 2. Ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ? Trên một bản đồ có tỉ lệ 1: 1 000 000. Biết khoảng cách thực tế từ A đến thành phố B là 15km. Hỏi khoảng cách trên bản đồ từ A đến thành phố B là bao nhiêu cm?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa.

1. Bài tập trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Mô hình thu nhỏ của Trái Đất được gọi là gì?

- A. Bản đồ.
- B. Lược đồ.
- C. Quả Địa Cầu.
- D. Sơ đồ.

Câu 2. Biển Đông nằm ở hướng nào so với phần đất liền nước ta ?

- A. Hướng Đông
- B. Hướng Tây
- C. Hướng Bắc
- D. Hướng Nam

Câu 3. Theo quy ước đầu bên phải của vĩ tuyến chỉ hướng nào sau đây?

- A. hướng Nam B. hướng Bắc C. hướng Tây D. hướng Đông

Câu 4. Khoảng cách từ Hà Nội đến Ninh Bình là 90km, trên bản đồ Việt Nam, khoảng cách giữa hai thành phố đo được 2 cm, vậy bản đồ có tỉ lệ

- A. 1:4500.000 B. 1:7000.000 C. 1:5000.000 D. 1:6000.000

Câu 5. Bản đồ tỉ lệ 1: 100.000 có nghĩa là 1cm trên bản đồ bằng bao nhiêu km trên thực tế?

- A. 1000 km B. 100 km C. 10 km D. 1 km

Câu 6. Nếu cách 1 độ vẽ 1 đường kinh tuyến thì trên bề mặt quả địa cầu có tất cả bao nhiêu đường kinh tuyến?

- A. 90 B. 180 C. 270 D. 360

Câu 7. Nếu cách 20 độ vẽ 1 đường kinh tuyến thì trên bề mặt quả địa cầu có tất cả bao nhiêu đường kinh tuyến?

- A. 181 B. 179 C. 18 D. 90

Câu 8. Bản đồ có tỉ lệ nhỏ nhất là

- A. 1 : 900.000 B. 1 : 1.000.000 C. 1 : 100.000 D. 1 : 3.000.000

Câu 9. Đường xích đạo (vĩ tuyến gốc) chia bề mặt quả địa cầu thành hai bán cầu là

- A. bán cầu Đông và bán cầu Bắc B. bán cầu Đông và bán cầu Tây
C. bán cầu Bắc và bán cầu Nam D. bán cầu Bắc và bán cầu Tây

Câu 10. Để xác định phương hướng trên bản đồ, cần xác định hướng nào đầu tiên?

- A. Hướng Bắc B. Hướng Tây C. Hướng Đông D. Hướng Nam

Câu 11. Bảng chú giải thường được đặt ở vị trí nào trên bản đồ?

- A. phía dưới hoặc những khu vực trống B. Ở chính giữa bản đồ
C. Phía trên cùng bên trái D. Phía trên cùng bên phải

Câu 12. Kí hiệu diện tích được sử dụng để thể hiện đối tượng địa lí nào sau đây?

- A. Cảng biển B. Đỉnh núi C. Đường sắt D. Vùng trồng lúa

Câu 13. Máy bay từ Hà Nội đến thành phố Hồ Chí Minh sẽ bay theo hướng

- A. Đông Nam B. Đông. C. Nam D. Tây Nam.

Câu 14. Điểm A có đường kinh tuyến 20° , nằm bên phải kinh tuyến gốc, vĩ tuyến 10° , nằm phía trên xích đạo, tọa độ địa lí của điểm A là

- A. 10°T , 20°B B. 10°Đ , 20°B C. 10°N , 20°Đ D. 10°B , 20°Đ

Câu 15. Kí hiệu đường được sử dụng để thể hiện đối tượng địa lí nào sau đây?

- A. Đường sắt. B. Vùng trồng lúa. C. Đỉnh núi. D. Bãi cát.

2. Bài tập đúng /sai: Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn và ghi đáp án đúng hoặc sai

Cho đoạn thông tin sau đây:

“Để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, người ta phải thể hiện các dấu hiệu quy ước gọi là kí hiệu bản đồ. Kí hiệu bản đồ rất đa dạng, có thể là những hình vẽ, màu sắc...được dùng một cách quy ước để thể hiện các sự vật, hiện tượng địa lí trên bản đồ. Người ta có thể sử dụng kí hiệu để thể hiện quy mô, đặc điểm, thành phần của các đối tượng địa lí.”

“Nguồn: SGK Lịch sử và Địa lí 6, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống”

- a) Kí hiệu bản đồ dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.
b) Để thể hiện ranh giới quốc gia, người ta dùng kí hiệu diện tích.
c) Có 3 loại kí hiệu thường dùng là: kí hiệu điểm, kí hiệu đường và kí hiệu diện tích.
d) Kí hiệu bản đồ được giải thích trong bảng chú giải và thường được đặt ở ngoài bản đồ.

BGH duyệt

TTCM

NTCM



Ngô Thị Bích Liên

Lưu Hoàng Trang

Nguyễn Thị Thảo

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06

- Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ,
- Yêu thương con người,
- Siêng năng, kiên trì.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là tự hào về truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ? Biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện như thế nào?

Câu 2: Thế nào là yêu thương con người? Biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện lòng thương con người như thế nào?

Câu 3: Thế nào là siêng năng, kiên trì? Biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện siêng năng, kiên trì như thế nào?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Câu tục ngữ: “Đi một ngày đàng học một sàng khôn” nói về truyền thống nào?

- A. Truyền thống yêu nước. B. Truyền thống hiếu học.
C. Truyền thống tôn sư trọng đạo. D. Truyền thống đoàn kết.

Câu 2: Câu ca dao, tục ngữ nào không thể hiện tình yêu thương con người?

- A. Thương người như thể thương thân B. Lá lành đùm lá rách
C. Kính lão đắc thọ D. Há miệng chờ sung

Câu 3: Lòng yêu thương con người

- A. xuất phát từ tấm lòng, trong sáng.
B. xuất phát từ mục đích.
C. hạ thấp giá trị con người.
D. làm những điều có hại cho người khác.

Câu 4: Đây là biểu hiện của siêng năng?

- A. Cần cù B. Nản lòng
C. Quyết tâm D. Chóng chán

Câu 5: Bạn P gặp bài khó là nản lòng, không chịu suy nghĩ nên toàn chép lời giải trong sách giáo khoa. Bạn A là người?

- A. Siêng năng, chăm chỉ. B. Lười biếng.
C. Tiết kiệm. D. Trung thực.

2. Bài tập:

Bài tập 1: Quê của bạn K là một vùng quê nghèo khó. Bao đời này, trong dòng họ của K chưa có ai đỗ đạt cao và làm chức vụ gì quan trọng. K không bao giờ muốn giới thiệu quê hương và dòng họ mình với bạn bè. K cảm thấy xấu hổ về đất quê nghèo và dòng họ của mình.

- a/ Em có đồng tình với cách nghĩ của K không?
- b/ Nếu em là bạn của K, em sẽ nói gì với bạn ấy?

Bài tập 2: Nhà trường phát động đợt quyên góp ủng hộ những nạn nhân trong vụ cháy chung cư mini tại phố Khương Hạ, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ở lớp của L, các bạn ủng hộ tiền và rất vật dụng sinh hoạt. Do gia đình khó khăn nên L chỉ đóng góp được một ít sách giáo khoa cũ. Một số bạn trong lớp phê bình L làm ảnh hưởng tới thành tích của lớp và cho rằng L không biết yêu thương, giúp đỡ người khác.

Câu hỏi:

- a/ Theo em, một số bạn phê bình L như vậy có đúng không? Vì sao?
- b/ Nếu là thành viên trong lớp của L, em sẽ tham gia hoạt động này như thế nào?

Bài tập 3: B luôn làm bài tập đầy đủ trước khi đến lớp. Chia sẻ với các bạn bí quyết của mình, B cho biết: "Với những bài tập khó, mình ít khi suy nghĩ mà thường chép lời giải ở phần hướng dẫn."

Câu hỏi:

- a/ Em có nhận xét gì về cách học của B?
- b/ Nếu là bạn của B, em sẽ khuyên bạn điều gì?

BGH duyệt



Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Luu Hoàng Trang

PART I: KNOWLEDGE

1. Vocabulary

- From Unit 1 to Unit 3
- Words and phrases related to the topics: My new school, My house, My friends

2. Grammar

- Present simple, present continuous
- Adverbs of frequency
- Possessive case
- Prepositions of place

3. Phonetics

- Pronunciation: Sounds: /ɑ:/, /ʌ/, final sounds /s/, /z/, /b/ and /p/
- Word stress: From Unit 1 to Unit 3

4. Everyday English

- Introducing someone
- Giving suggestions

II. PART II: EXERCISES

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation

Question 1. A. love B. lunch C. uniform D. subject

Question 2. A. art B. grammar C. star D. class

Question 3. A. thinks B. saves C. wears D. runs

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in the position of primary STRESS

Question 4. A. creative B. physics C. study D. television

Question 5. A. adore B. compass C. between D. behind

Question 6. A. under B. country C. bathroom D. apartment

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following sentences

Question 7. _____ he _____ how to open this computer?

- A. Do – know B. Does – know C. Do – knows D. Does – knows

Question 8. Where is the _____? I need to clean these dishes.

- A. kitchen B. living room C. bedroom D. hall

Question 9. Look! The cat _____ towards to us.

- A. run. B. is running C. runs D. to run

Question 10. My _____ flat is in a large building in the city center.

- A. aunt B. aunt' C. aunt's D. aunts

Question 11. Adam is very _____. He always pays attention to what he is doing.

- A. carefully B. careful C. care D. careless

Question 12. There _____ a pencil case, two school bags, and a calculator on the desk.

- A. are B. is C. am D. be

Question 13. Alexa is really _____ because she does yoga every day.

- A. healthful B. healthfulness C. healthily D. healthy

Question 14. Julia _____ excited when a new school year _____.

- A. is always - begins B. is always - begin
C. always is - begin D. always is - begins

Question 15. My sister often _____ dinner at 6p.m. every day.

- A. does B. has C. studies D. plays

Question 16. I live _____ my parents and older sister _____ a town house.

- A. at – at B. with – in C. with – at D. of – in

Circle the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to each of the following exchanges.

Question 17. - Tracy: "Hi. I'm Tracy, nice to meet you!"

- James: "_____"

A. See you again

C. I feel like you are a good person

B. I'm James. Nice to meet you, too

D. I like it a lot

Question 18. "Let's buy some plants to decorate our house." - "_____"

A. Not at all.

B. Thank you

C. That's a good idea

D. No problem

Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 19 to 22

WELCOME TO GREENFIELD SECONDARY SCHOOL!

This week, we are happy to welcome all new students. Our school (19) _____ a wide range of subjects such as Maths, Science, and Art. Students also enjoy exciting clubs and school (20) _____ in the afternoon. The school has many great facilities including a swimming pool and a big library. Remember to bring your (21) _____ like pens, notebooks, and compass to class. We hope you will (22) _____ your time at Greenfield!

Question 19. A. has

B. have

C. is having

D. are having

Question 20. A. teachers

B. uniforms

C. activities

D. classmates

Question 21. A. friends

B. school things

C. timetables

D. favourite

Question 22. A. enjoy

B. enjoys

C. enjoyed

D. enjoying

Circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions from 23 to 24.

Question 23. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text. His name is Nam and he is my best friend...

a. He is tall and has short black hair.

b. We often play football after school.

c. He's very friendly and good at sports.

A. b-a-c

B. a-b-c

C. b-c-a

D. a-c-b

Question 24. Choose the sentence that most appropriately ends the text (in question 23)

A. I'm happy to have such a great friend.

B. He lives near my house.

C. Nam is in class 6A.

D. We study at the same school.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

The Vietnamese students take part in different activities (25) _____ school. Some students enjoy playing sports. Sometimes they (26) _____ in the playgrounds. Some students fancy music, dramas, and movies. They usually practice playing (27) _____ in the music room. They join in the school theater group and usually rehearse plays. Some are members of the stamp collectors' (28) _____. They often get together (29) _____ talk about their stamps. A few students (30) _____ and play video games or computer games. Most of them enjoy their activities in their free time.

Question 25. A. on

B. after

C. about

D. behind

Question 26. A. play skating

B. make skating

C. go skating

D. have skating

Question 27. A. musical instrument

B. music instruments

C. music instrument

D. musical instruments

Question 28. A. club

B. school

C. family

D. canteen

Question 29. A. so

B. and

C. because

D. but

Question 30. A. stay for home

B. stay on home

C. stay in home

D. stay at home

Circle the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 31. Do you want to join our judo club?

A. Would you like to join our judo club?

B. Would you enjoy joining our judo club?

C. Would you want joining our judo club?

D. Would you often join our judo club?

Question 32. *Max loves Literature most.*

- A. Max' favourite subject is Literature.
- B. Max's favourite subject is Literature.
- C. Max' favourite subject is Literature.
- D. Max favourite subject is Literature.

Question 33. *Mr.Dave/ have/ short black hair/ round face/ blue eyes.*

- A. Mr. Dave has short black hair, round face and blue eye.
- B. Mr. Dave has short black hair, a round face and blue eyes.
- C. Mr. Dave have short black hair, a round face and blue eyes.
- D. Mr. Dave have short black hair, round face and blue eyes.

Question 34. *My international school has 25 classrooms.*

- A. There have 25 classrooms in my international school.
- B. There has 25 classrooms in my international school.
- C. There are 25 classrooms in my international school.
- D. There is 25 classrooms in my international school.

Circle the letter A, B, C, or D to indicate the most meaningful sentence written from the given words.

Question 35. *They/ not / always / play / chess / after / school.*

- A. They always don't play chess after school.
- B. They don't always play chess after school.
- C. They always don't plays chess after school.
- D. They do not always plays chess after school.

Question 36. *there / a picture / in / the attic.*

- A. There a picture is in the attic.
- B. There is a picture in the attic.
- C. There are a picture in the attic.
- D. There is in the attic a picture.

Question 37. *calculator / next/ my brother/ notebook/.*

- A. The calculator next to my brother's notebook.
- B. The calculator is next to my brother's notebook.
- C. Calculator is next to my brother's notebook.
- D. The calculator is next my brother's notebook.

Question 38. *Linda/ take/ part/ cook/ competition/ this Sunday.*

- A. Linda is taking part cooking competition this Sunday.
- B. Linda is taking part in a cooking competition this Sunday.
- C. Linda takes part to cook competition this Sunday.
- D. Linda is taking part in cook competition this Sunday.

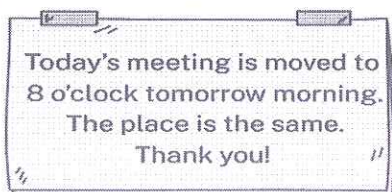
Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 39. What does the sign say?



- A. You must not use a mobile to photo dogs
- B. Dogs can't be entered
- C. You can't come into
- D. You must not use a camera here.

Question 40. What does the notice tell us about?



- A. The meeting is today at 8 o'clock in the morning.
- B. The meeting is moved to 8 o'clock tomorrow morning.
- C. The meeting place is changed to a new location.
- D. The meeting is canceled.

Read the following email and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

I have many friends, but Alex is my best friend. He studies in my class. We go to school together. We also sit together to do our homework. He is **good at** studies, so he helps the students who are weak in studies. Alex is the monitor of our class. He always listens to and loves his teachers and parents. He is good at English. He has won many prizes for our school. He comes from a middle-class family. His father is a teacher and his mother is a housewife. He wears clean clothes. He **leads** a simple life. He is always regular. He is never late for school. He wants to become a doctor. All the teachers of our school love Alex. I am proud of him.

Question 41. What is TRUE about Alex?

- A. He often helps weak students
B. He is a vice-monitor in the class
C. He plays sports very well.
D. He sometimes comes to class late.

Question 42. Alex has won some prizes in _____.

- A. Maths
B. Computer science
C. English
D. Literature

Question 43. The word "**leads**" is best replaced by _____.

- A. lives
B. shares
C. likes
D. dreams

Question 44. What does the author feel about Alex?

- A. He is proud of Alex.
B. He is lucky to have Alex as his friend.
C. He is reliable on Alex.
D. He is excited about Alex.

Question 45. What is the topic of the passage?

- A. My best class
B. My best teacher
C. My best friend
D. My best school

Question 46. The word "**good at**" is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. excel in
B. bad at
C. excited about
D. scared at

Four phrases/sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

Dear Nam,

I'm glad to receive your email. (47) _____. My house is quite big. It has two floors. (48) _____. On the ground floor, there is the hall, the kitchen, the living room and a dining room.

On the first floor, (49) _____. My bedroom is between my parents' bedroom and the bathroom. My brother's bedroom is in front of my bedroom.

I love the attic the most. In the attic, (50) _____. I like to spend my time there because it's quiet and I can do anything I like.

What about your house? Tell me in your next email.

Best,

Mike

- A. It also has an attic
B. I keep my books and my old toys
C. there are three bedrooms and a big bathroom
D. Now I'm going to tell you about my house

Question 47. _____ **Question 48.** _____ **Question 49.** _____ **Question 50.** _____

-----THE END-----



BGH

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

**UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM**

**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

Năm học: 2025 - 2026

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung Bài thể dục liên hoàn

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện đúng nhịp bài thể dục, đúng động tác, đúng biên độ.
- Thực hiện đều và đẹp.

III. Hình thức kiểm tra

- Thực hành tại nhà thể chất hoặc sân trường



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng CM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đinh Lý Huỳnh

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I
MÔN: NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC 6)
Năm học: 2025 - 2026

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Ôn tập 2 bài hát:

- *Con đường học trò*
- *Đời sống không già vì có chúng em*

2. Lí thuyết âm nhạc:

- Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc.

3. Tập đọc nhạc:

- TĐN số 1.

II. KỸ NĂNG – KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

- Thực hiện đúng các yêu cầu của bài: hát đúng kỹ thuật, thuộc lời, TĐN đúng cao độ, trường độ, gõ đúng tiết tấu, nhịp phách
- Nắm vững các kiến thức về nhạc lí để sử dụng cho bài hát và bài TĐN

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Thực hành: Tại phòng học của các lớp
- Kiểm tra theo nhóm hoặc từng học sinh



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Nhân

A. TRỌNG TÂM ÔN TẬP

I. Nội dung kiến thức: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 6

- Kiến thức về cách vẽ tranh theo giai điệu âm nhạc.
- Kiến thức về cách vẽ tranh tĩnh vật màu
- Kiến thức về tạo một sản phẩm bưu thiếp chúc mừng.

II. Một số dạng bài tập minh họa

- Em hãy tạo sản phẩm theo âm nhạc mà em yêu thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu màu tự chọn.
- Em hãy vẽ một bức tranh tĩnh vật màu mà em yêu thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu màu tự chọn.
- Em hãy thiết kế một bưu thiếp chào mừng ngày 20/10 . Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu màu tự chọn.

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Học sinh làm bài trên lớp.

Ban Giám Hiệu

TTCM

Nhóm trưởng



Ngô Thị Bích Liên

Nguyễn.T. Quỳnh Diệp

Vũ Hồng Tâm

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN - KHỐI 6

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 6

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Nêu khái niệm khoa học tự nhiên. Phân biệt các lĩnh vực khoa học tự nhiên. Nêu vai trò của khoa học tự nhiên với đời sống.

Câu 2: Nêu các quy tắc trong phòng thực hành. Nhận biết các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành

Câu 3: Nêu cấu tạo và cách sử dụng kính lúp, kính hiển vi.

Câu 4: Nêu được cách đo, đơn vị đo, dụng cụ đo chiều dài, đo khối lượng, đo thời gian, đo nhiệt độ. Vận dụng thực hiện các phép đo, chỉ ra các lỗi sai khi thực hiện các phép đo.

Câu 5: Nêu sự đa dạng của chất, một số tính chất vật lý và tính chất hóa học của chất.

Câu 6: Trình bày và đưa ví dụ về các thể của chất. Trình bày quá trình diễn ra sự chuyển thể. Nêu được các khái niệm sự nóng chảy, sự đông đặc, sự hóa hơi, sự ngưng tụ.

I. Trắc nghiệm

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

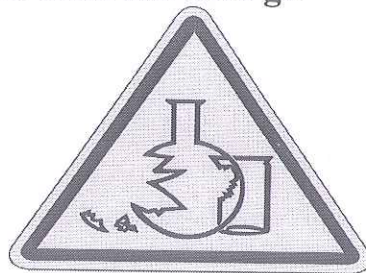
Câu 1: Vật thể nào dưới đây là vật sống?

- A. Vi khuẩn B. Cành gỗ mục C. Cái bàn D. Thước gỗ

Câu 2: Ý nào dưới đây không phải vai trò của khoa học tự nhiên trong đời sống?

- A. Mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế
B. Bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu
C. Bảo vệ sức khỏe, cuộc sống con người
D. Định hướng tư tưởng, phát triển hệ thống chính trị

Câu 3: Kí hiệu trong hình sau cảnh báo điều gì?



- A. Chất dễ cháy B. Bình thủy tinh dễ vỡ
C. Chất ăn mòn D. Nguồn điện nguy hiểm

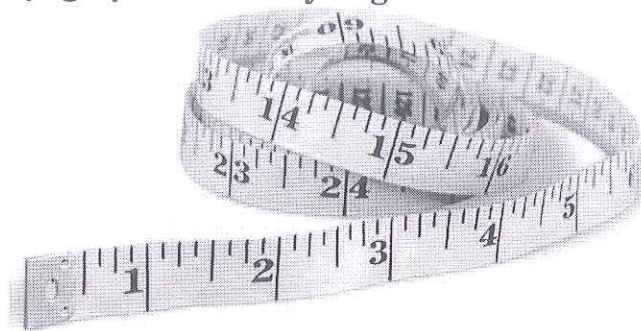
Câu 4: Muốn quan sát tế bào rế hành cần sử dụng dụng cụ nào dưới đây?

- A. Kính lúp B. Kính hiển vi C. Kính cận D. Kính thiên văn

Câu 5: Trên vỏ gói bột giặt có ghi khối lượng tịnh 850g, số đó cho ta biết điều gì?

- A. Thể tích của túi bột giặt B. Khối lượng bột giặt trong túi
C. Chiều dài của túi bột giặt D. Khối lượng của cả túi bột giặt

Câu 6: Tên gọi của dụng cụ đo dưới đây là gì?



- A. Thước kẻ B. Thước dây C. Thước cuộn D. Thước kẹp

Câu 7: Bạn Lan đi từ nhà lúc 6 giờ 45 phút và đến trường lúc 7 giờ 05 phút. Hỏi bạn Lan đi từ nhà đến trường mất bao nhiêu phút?

- A. 15 phút B. 20 phút C. 25 phút D. 30 phút

Câu 8: Việc chế tạo dụng cụ đo nhiệt độ dựa trên cơ sở của hiện tượng nào?

- A. Sự giãn nở vì nhiệt của chất lỏng B. Sự thay đổi màu sắc của chất lỏng
C. Sự giãn nở vì nhiệt của chất rắn D. Sự giãn nở vì nhiệt của chất khí

Câu 9: Ví dụ nào sau đây thể hiện tính chất hóa học của chất?

- A. Nung đá vôi tạo thành vôi sống B. Đường hòa tan trong nước
C. Nước bay hơi khi đun sôi D. Đồng có tính dẻo, dễ dát mỏng

Câu 10: Vào những ngày trời rất lạnh, một số vùng ở nước ta có hiện tượng đóng băng, tuyết rơi. Đây là ví dụ về hiện tượng chuyển thể nào?

- A. Sự nóng chảy B. Sự đông đặc C. Sự bay hơi D. Sự sôi

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Một học sinh tiến hành làm thí nghiệm trong phòng thực hành.

- a. Khi vào phòng học sinh buộc tóc gọn gàng.
b. Khi đun nước sôi trong ống nghiệm, học sinh cầm ống nghiệm bằng tay, hướng miệng ống nghiệm vào bạn khác để quan sát.
c. Khi muốn tắt đèn cồn, học sinh dùng miệng thổi đèn cồn để tiết kiệm thời gian.
d. Sau khi thực hành, học sinh thu dọn dụng cụ, lau bàn sạch sẽ.

Câu 2: Một học sinh dùng cân Rôbécvan và các quả cân để đo khối lượng của một vật kim loại.

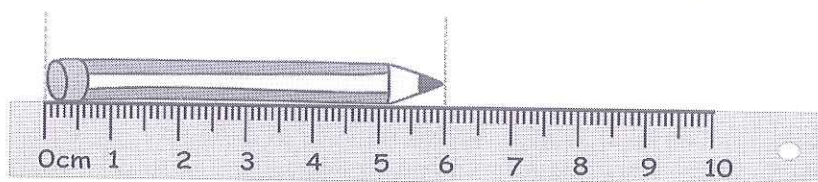
- a. Nếu cân thăng bằng thì khối lượng của vật bằng tổng khối lượng các quả cân.
b. Nếu sau khi cân thăng bằng, đặt thêm một quả cân 100g về phía vật, thì cân sẽ lệch về phía có vật.
c. Để đo một vật có khối lượng nặng gấp đôi vật ban đầu, học sinh có thể dùng hai vật giống hệt nhau đặt lên đĩa cân rồi tìm số quả cân cần thiết.
d. Giả sử vật kim loại ban đầu nặng 1,1kg, để cân thăng bằng học sinh có thể sử dụng 1 quả cân 500g, 2 quả cân 200g và 1 quả cân 100g.

Câu 3: Trong tự nhiên, chất có thể tồn tại ở ba thể: rắn, lỏng, khí. Các chất cũng có thể chuyển từ thể này sang thể khác.

- a. Quá trình chất chuyển từ thể lỏng sang thể rắn gọi là sự đông đặc.
b. Khi sự hóa hơi xảy ra ở bề mặt chất lỏng gọi là sự sôi.
c. Sự sôi có thể xảy ra ở mọi nhiệt độ.
d. Bản chất của hiện tượng các giọt sương đọng lại trên lá cây chính là sự ngưng tụ.

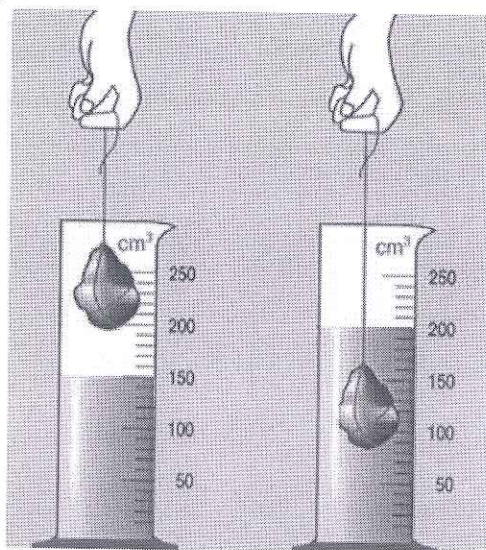
3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu 1: Hình dưới đây mô tả cách đo chiều dài chiếc bút chì:



- GHĐ của thước kẻ trong hình là bao nhiêu cm?
- Chiều dài của chiếc bút chì trong hình là bao nhiêu cm?
- ĐCNN của thước kẻ trong hình là bao nhiêu cm?
- Nếu có 3 chiếc bút chì như trong hình xếp thẳng hàng thì chiều dài của dãy bút chì là bao nhiêu cm?

Câu 2: Để đo thể tích một vật rắn không thấm nước, người ta tiến hành thí nghiệm như hình vẽ sau:



- Mức nước trong bình trước khi thả hòn đá là bao nhiêu cm^3 ?
- Mức nước trong bình sau khi thả hòn đá là bao nhiêu cm^3 ?
- Thể tích viên đá là bao nhiêu cm^3 ?
- Nếu mực nước ban đầu là 100 cm^3 thì sau khi thả hòn đá mực nước trong bình sẽ dâng lên bao nhiêu cm^3 ?

Câu 3: Một học sinh dùng nhiệt kế để đo nhiệt độ của nước đá đang tan, nước đang sôi và nhiệt độ phòng. Sau đó, thực hiện chuyển đổi phép tính giữa các thang đo nhiệt độ.

- Khi nhúng nhiệt kế vào nước đá đang tan, nhiệt kế chỉ bao nhiêu độ C?
- Khi nhúng nhiệt kế vào nước đang sôi, nhiệt kế chỉ 100°C . Nhiệt độ này tương ứng với bao nhiêu độ F?
- Khi đo nhiệt độ phòng, nhiệt kế chỉ 30°C . Nhiệt độ này tương ứng bao nhiêu độ F?
- Khi mang nhiệt kế ra ngoài trời, nhiệt kế thủy ngân tăng cao thêm 4cm. Biết rằng 1cm tương ứng với 5°C . Vậy nhiệt độ ngoài trời khi đó là bao nhiêu độ C?

II. Tự luận

Câu 1: Trình bày cách sử dụng nhiệt kế y tế thủy ngân và nhiệt kế y tế điện tử.

Câu 2: Đổi các đơn vị đo sau:

- $17 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{cm}$
 $2340 \text{ dm} = \dots\dots \text{m}$
 $560 \text{ cm} = \dots\dots \text{m} \dots\dots \text{cm}$
- $20 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{L}$
 $3 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{mL}$
 $25 \text{ L} = \dots\dots\dots \text{mL}$

c. 3 yến 8 kg = kg

d. 7 phút = giây

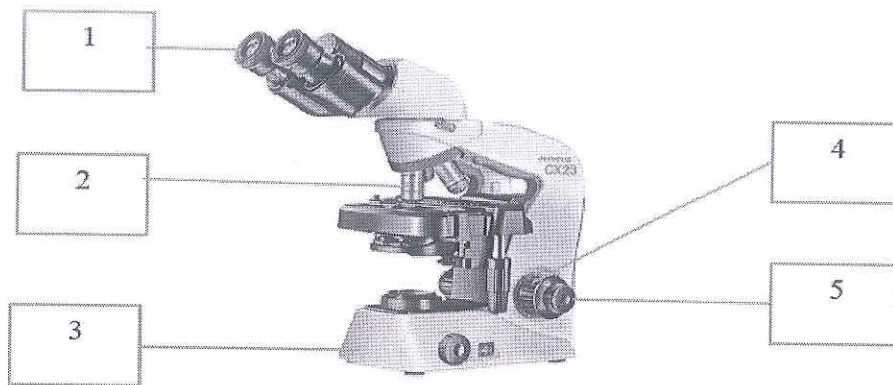
Câu 3:

200 yến = tấn

4 giờ 10 phút = ... phút

6028 kg = tấnkg

5 ngày = giờ



Cấu tạo kính hiển vi quang học

a. Chú thích các bộ phận của kính hiển vi trong hình vẽ

b. Tại sao khi di chuyển kính hiển vi cần dùng cả hai tay, một tay đỡ chân kính, một tay đỡ thân kính?

BCH duyệt
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGỌC LÂM
NGO THI BICH LIEN

TTCM
DO MINH PHUONG

NTCM
NGUYEN THI GIANG

A. TRỌNG TÂM ÔN TẬP

1. Nội dung kiến thức: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 6.

- Lớp học mới của em.
- Truyền thống nhà trường .
- Điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới.
- Em và các bạn.
- Em đã lớn hơn.
- Đức tính đặc trưng của em.

2. Câu hỏi ôn tập:

Câu 1. Em hãy nêu một số việc nên làm để điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới ?

Câu 2. Em hãy nêu một số sự thay đổi tích cực của bản thân so với khi còn là học sinh tiểu học?

Câu 3. Em hãy nêu ít nhất 4 việc nên làm để có một góc học tập gọn gàng ngăn nắp, khoa học ?

Câu 4. Em hãy đưa ra cách giải quyết hợp lí trong trường hợp sau đây:

Tình huống: Tiết học Tiếng Anh đã kết thúc mà Lâm vẫn cảm thấy chưa thấy rõ về nội dung đã học. Nếu là Lâm, em sẽ làm gì để hiểu rõ bài hơn?

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Học sinh thực hiện kiểm tra dưới hình thức bài tập dự án.



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

NTCM

Trần Minh Ngọc

Năm học 2025 - 2026

A. TRỌNG TÂM ÔN TẬP

1. Nội dung kiến thức

Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 6.

Lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X

- Sự hình thành và phát triển của Hà Nội
- Hà Nội thời kì Văn Lang – Âu Lạc và thời kì đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X
- Lịch sử hình thành và giá trị của di tích thành Cổ Loa

2. Câu hỏi ôn tập

Câu 1: Trình bày sự hình thành và phát triển của Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.

Câu 2: Nêu được một số nét chính về sự hình thành, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của một số cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X.

Câu 3: Trình bày được lịch sử hình thành và giá trị của di tích thành Cổ Loa.

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Học sinh kiểm tra theo hình thức dự án.



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

NTCM

Nguyễn Thị Giang

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 6**I. NỘI DUNG ÔN TẬP****1. Bảng chữ cái tiếng Hàn:**

- Ai là người tạo ra bảng chữ cái tiếng Hàn? Hoàn cảnh ra đời bảng chữ cái tiếng Hàn.
- Bảng chữ cái tiếng Hàn có bao nhiêu nguyên âm? bao nhiêu phụ âm?
- Nguyên lý hình thành nguyên âm?
- Nguyên lý hình thành phụ âm?
- Quy tắc viết tiếng Hàn

2. Nguyên âm: 21 nguyên âm của bảng chữ cái Tiếng Hàn, trọng tâm 6 nguyên âm đầu tiên: ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ; và 3 phụ âm cơ bản: ㅁ, ㄴ, ㄷ.

3. Âm tiết: nguyên âm dọc, nguyên âm ngang là gì, vị trí của phụ âm hoặc “o” câm khi kết hợp với nguyên âm dọc, nguyên âm ngang.

4. Từ vựng liên quan:

- ㅏ: số 2/ răng, ㅓ: số 5, ㅓㅏ: dưa chuột, ㅏㅏ: em bé, ㅏㅓ: em trai (SGK trang 32)
- ㅓㅓ: em trai, ㅏㅏ: tuổi, ㅏㅓ: cây, ㅏㅓ: trán, ㅓㅓ: con vịt, ㅏㅓㅓ: mẹ, ㅓㅓ: đầu, ㅓㅓ: chị gái (của em trai), ㅓㅓ: đất nước (SGK trang 42)

II. KỸ NĂNG:**1. Phát âm và đọc hiểu:**

- Phát âm được các nguyên âm, các âm tiết ghép từ phụ âm “o câm”
- Đọc và nắm được nghĩa của các từ vựng đã học.

2. Nghe và viết:

- Viết các nguyên âm, phụ âm “o câm” đúng thứ tự các nét.
- Viết đúng vị trí của phụ âm đầu, nguyên âm ngang/dọc.
- Nghe và viết lại các âm nghe được.

- Viết các từ vựng đúng chính tả.

III. MỘT SỐ DẠNG BÀI: Trắc nghiệm và Tự luận.

1. Nghe và chọn âm nghe được.
2. Chọn đáp án đúng cho câu hỏi.
3. Nhìn tranh và chọn từ vựng tương ứng.
4. Chọn phiên âm cách phát âm của các âm tiết.
5. Nhìn phiên âm và viết lại âm tiết bằng tiếng Hàn.

ĐỀ MINH HỌA GIỮA HỌC KỲ I KHỐI 6

I. 듣기- NGHE (0,25/câu)

BÀI 1: NGHE VÀ CHỌN ÂM THANH NGHE ĐƯỢC

1.
① 아 ② 어 ③ 오 ④ 우
2.
① 아 ② 어 ③ 이 ④ 으
3.
① 어 ② 오 ③ 아 ④ 우
4.
① 우 ② 으 ③ 오 ④ 이
5.
① 아이 ② 우이 ③ 오이 ④ 아우
6.
① 나 ② 러 ③ 마 ④ 라
7.
① 나라 ② 너무 ③ 이미 ④ 모이
8.
① 우리 ② 오리 ③ 머리 ④ 나무

Phần II: Đọc – Hiểu (읽기) (0,25đ/câu)

BÀI 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG CHO NHỮNG CÂU HỎI SAU.

9. Tiếng Hàn do ai sáng tạo ra?
① Vua Suwon ② Vua Sejong ③ Vua Seoul ④ Vua Hajong
10. Chữ Tiếng Hàn được viết theo quy tắc nào?
① Từ dưới lên trên, từ phải sang trái ② Từ trên xuống dưới, từ trái sang phải
③ Từ dưới lên trên, từ trái sang phải ④ Từ trên xuống dưới, từ phải sang trái
11. Tiếng Hàn có bao nhiêu nguyên âm?
① 18 ② 19 ③ 20 ④ 21
12. Tiếng Hàn có bao nhiêu phụ âm?
① 18 ② 19 ③ 20 ④ 21

13. Nguyên âm của Tiếng Hàn được hình thành từ 3 nét nào?

- ① Nét chéo, hình tròn, nét dọc ② Hình tròn, nét ngang, nét dọc
③ Hình tròn, nét chéo, nét ngang ④ Nét chéo, nét ngang, nét dọc

14. “Con vịt” trong Tiếng Hàn là gì?

- ① 오리 ② 우리 ③ 머리 ④ 나이

15. “Mẹ” tiếng Hàn là gì?

- ① 누나 ② 어머니 ③ 아버지 ④ 이마

16. “Số 5” trong tiếng Hàn là gì?

- ① 우 ② 오 ③ 이 ④ 으

17. “Đầu” trong tiếng Hàn là gì?

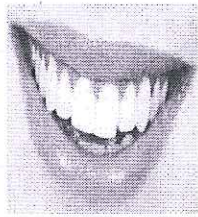
- ① 이마 ② 누나 ③ 머리 ④ 나이

18. “Tuổi” trong Tiếng Hàn là gì?

- ① 오리 ② 우리 ③ 머리 ④ 나이

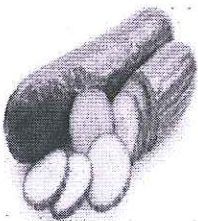
BÀI 2: NHÌN TRANH VÀ CHỌN TỪ TƯƠNG ỨNG

19.



- ① 우
② 어
③ 이
④ 오

20.



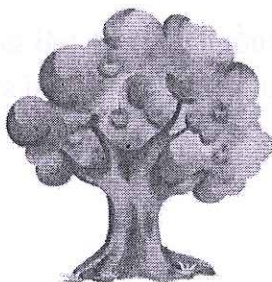
- ① 오이
② 아이
③ 아우
④ 어이

21.



- ① 오이
② 으아
③ 이마
④ 아이

22.



- ① 나무
② 아우
③ 이마
④ 머리

BÀI 3: CHỌN PHIÊN ÂM ĐÚNG CỦA CÁC ÂM TIẾT DƯỚI ĐÂY

23. 우

① o

② ô

③ u

④ i

24. 아

① a

② o

③ ô

④ u

25. 어

① ô

② o

③ a

④ u

26. 오

① ô

② u

③ ư

④ i

27. 마

① na

② ra

③ ma

④ mo

28. 나

① no

② so

③ na

④ ma

29. 나루

① na-ra

② na-ru

③ ra-la

④ na-ri

30. 이모

① i-mô

② i-ma

③ i-na

④ i-ra

III. 쓰기 – VIẾT (0,25 điểm/câu)

BÀI 1: NHÌN PHIÊN ÂM VÀ VIẾT LẠI CÁC ÂM TIẾT BẰNG TIẾNG HÀN

31. o: _____

32. a: _____

33. ô: _____

34. ô-i: _____

35. u: _____

36. i-ma: _____

37. nu-na: _____

38. a-u: _____

39. i: _____

40. ư: _____

なまえ : クラス :

I. PHẠM VI ÔN TẬP

Toàn bộ kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 6.

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Bảng chữ cái và từ vựng:

1. Bảng chữ cái Hiragana: Từ hàng あ đến hàng ま
 - Cách đọc và cách viết các chữ cái
 - Từ vựng của các chữ cái từ bài 1 đến bài 3 (SGK trang 154 – 156)

2. Ôn tập cách đếm số từ 1 đến 20

B. Hội thoại: từ bài 1 đến bài 3

1. Chào buổi sáng, trưa, chiều và chúc ngủ ngon
2. Tự giới thiệu bản thân
3. Chào hỏi giáo viên đầu giờ học và khi kết thúc giờ học
4. Cách nói chào tạm biệt với giáo viên và bạn bè
5. Cách nói xin lỗi và đáp lại
6. Cách nói cảm ơn

C. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:

I. Bài tập trắc nghiệm:

Bài 1: Chọn đáp án có nghĩa đúng với các từ dưới đây

- 1) Con bò

A. うし

B. はな

C. いぬ

D. ねこ

- 2) Chân

A. かお

B. あし

C. は

D. て

- 3) Đôi mắt

A. くさ

B. えき

C. め

D. みみ

4) Mặt trăng

A. つき

B. うち

C. あさ

D. たいこ

5) Dưa hấu

A. せかい

B. あめ

C. すいか

D. ねこ

6) Con thuyền

A. いぬ

B. ふね

C. きく

D. もも

7) Vải vóc

A. は

B. ぬの

C. ひと

D. そと

8) Ngôi sao

A. ほし

B. つき

C. はな

D. なか

9) Cái ô

A. すし

B. かさ

C. つくえ

D. て

10) Thế giới

A. うち

B. せかい

C. うし

D. おかし

11) Hoa

A. あし

B. はな

C. こえ

D. き

12) Thành phố

A. まち

B. あさ

C. しお

D. いけ

13) Cái tai

A. いえ

B. みみ

C. いす

D. えき

14) Thịt

A. にく

B. くに

C. ふね

D. くさ

II. Bài tập tự luận:

Bài 1: Hãy điền các cách chào hỏi tương ứng với tranh

A là học sinh. B là người lớn. C là bạn của A

	A: _____ B: _____		A: _____ B: _____ (Tạm biệt)
	A: _____ C: _____		A: _____ C: _____ (Tạm biệt)
	A: _____ B: _____		A: _____ B: _____
	A: _____ C: _____		A: _____ C: _____
	A: _____ B: _____		A: _____ B: _____

Bài 2: Viết các chữ sau sang Hiragana

VD: A あ	I	U	E	O
KA	KI	KU	KE	KO
SA	SHI	SU	SE	SO
TA	CHI	TU	TE	TO
NA	NI	NU	NE	NO
HA	HI	FU	HE	HO
MA	MI	MU	ME	MO

Romaji	Hiragana	Ý nghĩa	Romaji	Hiragana	Ý nghĩa
<i>Kuni</i>	くに	Đất nước	<i>Kitsune</i>		
<i>Inu</i>			<i>Tomato</i>		
<i>Fune</i>			<i>Sushi</i>		
<i>Asa</i>			<i>Sashimi</i>		
<i>Taiko</i>			<i>Okonomi</i>		
<i>Neko</i>			<i>Hare</i>		
<i>Ike</i>			<i>Ame</i>		
<i>Ushi</i>			<i>Machi</i>		
<i>Kasa</i>			<i>Mushi</i>		
<i>Okashi</i>			<i>Mimi</i>		
<i>Sekai</i>			<i>Ashi</i>		
<i>Hito</i>			<i>Naka</i>		

Bài 3: Viết cách đọc của các số sau

1) ichi	2)	3)	4)
5)	6)	7)	8)
9)	10)	11)	12)
13)	14)	15)	16)
17)	18)	19)	20)

----- **HẾT** -----